

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH X**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/DS-ST

Ngày: 30 - 6 - 2023

V/v tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Châu Khon Sốc

Bà Chế Thị Hồng Cẩm

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Trường, Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh X.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh X tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Diễm, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh X, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 148/2022/TLST-DS, ngày 22 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2023 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 40/TB-TA ngày 20 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; nơi cư trú: Tổ 07, ấp Đây Cà Hô, xã Văn Giáo, huyện B, tỉnh X, vắng mặt;

Người đại diện hợp pháp: Bà Huỳnh Thị Bích T, sinh năm 1997; nơi cư trú: Tổ 11, khóm Hòa Thuận, thị trấn Nhà Bàng, huyện B (nay là thị xã B), tỉnh X (Hợp đồng ủy quyền ngày 31/8/2022), có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Phú Hữu – Công ty Luật TNHH Kim Long Chi nhánh Q, tỉnh K thuộc đoàn Luật sư thành phố H. Địa chỉ: Số 254, tầng 1, đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường Dương Đông, thành phố Q, tỉnh K, vắng mặt;

- Bị đơn: Bà Hình Thị H2, sinh năm 1968; nơi cư trú: Tổ 12, ấp An Thành, xã Lương Phi, huyện N, tỉnh X, có mặt.

- *Người làm chứng:*

- + Bà Phạm Thị Kh, vắng mặt;
- + Bà Đặng Thị H, vắng mặt;
- + Bà Đỗ Thị H, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn Bà Huỳnh Thị Bích T trình bày:* Bà H với Bà Hình Thị H2 có mối quan hệ bạn bè, nên vào năm 2002 do cần vốn làm ăn Bà H2 có hỏi vay Bà H số tiền 95.000.000 đồng (Chín mươi lăm triệu đồng), Bà H2 có làm biên nhận ngày 01/01/2002, do Bà H2 ký tên, lãi suất thỏa thuận 05%/tháng.

Từ khi vay đến nay, Bà H2 không trả tiền gốc và tiền lãi cho Bà H, do Bà H thấy Bà H2 khó khăn nên Bà H không yêu cầu Bà H2 trả nợ. Đến tháng 05/2022, Bà H thấy Bà H2 không còn khó khăn về kinh tế nên Bà H có yêu cầu Bà H2 trả số tiền 95.000.000 đồng (Chín mươi lăm triệu đồng) và lãi suất theo thỏa thuận nhưng Bà H2 không trả.

Nay, Bà Tuyên đại diện theo ủy quyền của Bà H yêu cầu Tòa án buộc bà Hình Thị Hền trả cho Bà H số tiền gốc 95.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là hợp pháp, Bà Nguyễn Thị H đã cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm: Bản photo biên nhận nợ ngày 01/01/2002 đã có đối chiếu bản gốc, nội dung ghi Bà H2 có mượn Bà Nguyễn Thị H số tiền 95.000.000 đồng (Chín mươi lăm triệu đồng), do Bà H2 ký tên, ghi họ tên Hình Thị Hiên;

Bà Nguyễn Thị H trình bày: Thống nhất với lời trình bày của Bà Tuyên đại diện ủy quyền cho Bà H, bà xin trình bày bổ sung theo đơn khởi kiện thì bà yêu cầu tính lãi từ 01/01/2002 đến tháng 6/2022 với số tiền lãi 209.475.000 đồng. Bà yêu cầu xin rút lại phần yêu cầu tính lãi đối với số tiền 209.475.000 đồng. Bà chỉ yêu cầu Bà H2 trả số tiền vốn gốc 95.000.000 đồng (Chín mươi lăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Theo bản tự khai và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Bà Hình Thị H2 trình bày: Bà H2 thừa nhận có vay của Bà H số tiền 95.000.000 đồng (Chín mươi lăm triệu đồng), lãi suất 05%/tháng. Bà đã trả lãi cho Bà H mỗi tháng 4.750.000 đồng, Bà H2 trả lãi từ 01/01/2002 đến ngày 01/7/2005 với tổng số tiền là 199.500.000 đồng.

Đến tháng 7/2006, Bà H giới thiệu cho Bà H2 làm cho nhà hộ sinh “Vuông Tròn” của bà Đặng Thị Hiếu, lương của Bà H2 thì Bà H trực tiếp nhận từ bà Hiếu, từ tháng 7/2006 đến tháng 12/2007 là 50.000.000 đồng, nên Bà H2 còn nợ của Bà H 45.000.000 đồng.

Đến tháng 01/2008, Bà H2 làm thuê cho nhà hộ sinh “Nguyễn Thị Thanh Nhẫn” tại thị trấn Tri Tôn, do bà Nguyễn Thị Thanh Nhẫn làm chủ. Trong quá trình làm, Bà H2 ứng lương vào ngày 30 hàng tháng, Bà H2 trả cho Bà H từ tháng 01/2008 đến tháng 30/3/2009 là 45.000.000 đồng, tổng cộng Bà H2 trả cho Bà H đủ 95.000.000 đồng.

Sau khi Bà H2 chót nợ với Bà H thì Bà H yêu cầu Bà H2 trả lãi thêm 100.000.000 đồng, nếu Bà H2 không trả thì Bà H sẽ đến cơ quan Bà H2 đòi tiền nên Bà H2 buộc phải làm biên nhận và hứa trả 2.000.000 đồng/tháng. Bà H2 trả từ ngày 30/4/2009 đến 30/5/2013 là đủ số tiền 100.000.000 đồng, toàn bộ số tiền này do bà Mân là mẹ của Bà H nhận.

Nay, Bà H yêu cầu Bà H2 trả nợ 95.000.000 đồng (Chín mươi lăm triệu đồng) Bà H2 không đồng ý.

Những người làm chứng:

- *Bà Đỗ Thị H trình bày:* Bà Hình Thị H2 có làm cho nhà hộ sinh “Nguyễn Thị Thanh Nhẫn” là mẹ chồng của bà Hằng, bà Hằng có cho Bà H2 ứng tiền lương vào ngày 30 hàng tháng để trả cho Bà H, trả từ tháng 01/2008 đến ngày 30/3/2009 với số tiền 45.000.000 đồng, bà Hằng còn có lần chứng kiến việc Bà H2 trả tiền lãi cho Bà H đối với số tiền 100.000.000 đồng, mẹ Bà H trực tiếp nhận, không nhớ họ tên mẹ Bà H, chỉ nghe gọi bác ba Mân.

- *Bà Đặng Thị H trình bày:* Bà Hình Thị H2 có làm cho nhà hộ sinh của bà Hiếu, lương của Bà H2 không cố định nhưng từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng/tháng, Bà H2 trả cho Bà H trực tiếp nhận từ tháng 7/2006 đến tháng 12/2007 đối với số nợ mà Bà H2 vay 95.000.000 đồng.

- *Bà rình bày:* Bà không biết việc Bà H khởi kiện Bà H2 và cũng không biết ai tên Hình Thị Hiền, bà không có nhận tiền của Bà H2.

Tòa án đã mở phiên hòa giải và đối chất giữa các đương sự với nhau, nhưng các bên không thỏa thuận được.

Tại phiên tòa,

Đại diện nguyên đơn Bà Huỳnh Thị Bích T, vẫn giữ yêu cầu Tòa án buộc buộc Bà Hình Thị H2 trả cho Bà H số tiền vốn là 95.000.000 đồng (Chín mươi lăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn Bà Hình Thị H2 thừa nhận vào ngày 01/01/2002 có vay của Bà H số tiền 95.000.000 đồng (Chín mươi lăm triệu đồng), thừa nhận có viết và ký vào biên nhận vay tiền, nhưng Bà H2 không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của Bà H, vì bà đã trả đủ tiền nên không còn nợ.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử đúng pháp luật: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn qui định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; xác định thẩm quyền thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo qui định tại các Điều 195, 196, 198 và 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Vào năm 2002, do cần vốn làm ăn nên Bà H2 có hỏi vay của Bà H số tiền 95.000.000 đồng (Chín mươi lăm triệu đồng), Bà H2 có làm biên nhận ngày 01/01/2002, do Bà H2 viết và ký tên, thỏa thuận lãi suất 05%/tháng.

Bà H cùng người đại diện cho rằng, từ khi vay đến nay, Bà H2 không trả tiền vốn gốc và tiền lãi cho Bà H nên yêu cầu Bà H2 trả số tiền vốn gốc 95.000.000 đồng, rút lại yêu cầu tính lãi.

Bị đơn Bà Hình Thị H2 thừa nhận có vay của Bà H số tiền 95.000.000 đồng (Chín mươi lăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 05%/tháng. Bà đã trả lãi cho Bà H mỗi tháng 4.750.000 đồng, trả lãi từ 01/01/2002 đến tháng 01/7/2005 với số tiền là 199.500.000 đồng.

Đến tháng 7/2006 Bà H giới thiệu cho Bà H2 làm cho nhà hộ sinh “Vuông Tròn” của bà Đặng Thị Hiếu. Bà H trực tiếp nhận tiền lương của Bà H2 để cán nợ, thời gian từ tháng 7/2006 đến tháng 12/2007 là 50.000.000 đồng. Đến tháng 01/2008, Bà H2 làm cho nhà hộ sinh Nguyễn Thị Thanh Nhân và Bà H2 ứng tiền lương trả cho Bà H từ tháng 01/2008 đến tháng 30/3/2009 là 45.000.000 đồng, tổng cộng Bà H2 trả cho Bà H đủ 95.000.000 đồng.

Xét thấy, Bà H2 cho rằng khi làm công cho bà Hiếu, bà Nhân, Bà H2 đã lấy tiền lương trả đủ số tiền 95.000.000 đồng cho Bà H, ngoài ra Bà H2 có ứng tiền lương hàng tháng để trả tiền lãi 100.000.000 đồng cho Bà H, do bà ba Mân (Phạm

Thị Khánh) mẹ ruột Bà H nhận. Tuy nhiên, Bà H, bà Khánh không thừa nhận có nhận tiền của Bà H2, ngoài lời khai của Bà H2, bà Hiếu, bà Hằng thì Bà H2, bà Hiếu, bà Hằng không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh cho việc trả tiền của mình, trong khi Bà H cung cấp được giấy biên nhận nợ do Bà H2 viết và ký tên, biên nhận này được Bà H2 thừa nhận. Do đó, Bà H2 cho rằng đã trả đủ số tiền vay 95.000.000 đồng và tiền lãi cho Bà H là không có căn cứ.

Do bị đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện, nên cần áp dụng Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự về thời hiệu để giải quyết, tính từ thời điểm vay đến ngày nguyên đơn khởi kiện thì thời hiệu của hợp đồng 03 năm đã hết theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, nguyên đơn đã rút lại yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu trả tiền vốn gốc, theo quy định tại Điều 155 Bộ luật dân sự thì yêu cầu trả nợ gốc là yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Do vậy cần xác định đây là quan hệ tranh chấp “Đòi tài sản” và buộc Bà H2 trả cho Bà H số tiền nợ gốc 95.000.000 đồng là có cơ sở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

Về tố tụng:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ việc:* Bà Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Bà Hình Thị H2 trả tiền vốn vay và tính lãi suất theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Bà H2 yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện, Bà H thì rút lại yêu cầu tính lãi suất chỉ yêu cầu trả vốn gốc nên đây là quan hệ tranh chấp dân sự về “Đòi tài sản” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Bà Hình Thị H2 có nơi cư trú tại ấp An Thành, xã Lương Phi, huyện N, tỉnh An Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thời hiệu khởi kiện:* Bà Hình Thị H2 có đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng vay tài sản giữa bà với Bà H, nhận thấy Bà H2 vay tiền của Bà H vào ngày 01/01/2002 nhưng đến ngày 15/6/2022 Bà H mới khởi kiện, thời điểm này đã hết thời hiệu khởi kiện của hợp đồng vay tài sản là 03 năm, tuy nhiên Bà H chỉ yêu cầu Bà H2 trả vốn gốc, không yêu cầu tính lãi suất, đây là yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu nên căn cứ vào khoản 2 Điều 155 Bộ luật dân sự không áp dụng thời hiệu khởi kiện để giải quyết.

[3] Về nội dung:

Vào năm 2002, do cần vốn làm ăn nên Bà H2 có hỏi vay của Bà H số tiền 95.000.000 đồng (Chín mươi lăm triệu đồng), Bà H2 có làm biên nhận ngày 01/01/2002 do Bà H2 viết và ký tên, thỏa thuận lãi suất 05%/tháng.

Bà H cùng người đại diện cho rằng, từ khi vay đến nay, Bà H2 không trả tiền vốn gốc và tiền lãi nên yêu cầu Bà H2 trả số tiền vốn gốc 95.000.000 đồng, rút lại yêu cầu tính lãi.

Bị đơn Bà Hình Thị H2 thừa nhận có vay của Bà H số tiền 95.000.000 đồng (Chín mươi lăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 05%/tháng. Bà đã trả lãi cho Bà H mỗi tháng 4.750.000 đồng, trả lãi từ 01/01/2002 đến tháng 01/7/2005 với số tiền là 199.500.000 đồng.

Đến tháng 7/2006 Bà H giới thiệu cho Bà H2 làm cho nhà hộ sinh “Vuông Tròn” của bà Đặng Thị Hiếu. Bà H trực tiếp nhận tiền lương của Bà H2 để cân nợ, thời gian từ tháng 7/2006 đến tháng 12/2007 là 50.000.000 đồng. Đến tháng 01/2008, Bà H2 làm cho nhà hộ sinh Nguyễn Thị Thanh Nhẫn và Bà H2 ứng tiền lương trả cho Bà H từ tháng 01/2008 đến tháng 30/3/2009 là 45.000.000 đồng, tổng cộng Bà H2 trả cho Bà H đủ 95.000.000 đồng.

Xét thấy, Bà H2 cho rằng khi làm công cho bà Hiếu, bà Nhẫn, Bà H2 đã lấy tiền lương trả đủ số tiền 95.000.000 đồng cho Bà H, ngoài ra Bà H2 có ứng tiền lương hàng tháng để trả tiền lãi 100.000.000 đồng cho Bà H, do bà ba Mân (Phạm Thị Khánh) mẹ ruột Bà H nhận. Tuy nhiên, Bà H, bà Khánh không thừa nhận có nhận tiền của Bà H2, ngoài lời khai của Bà H2, bà Hiếu, bà Hằng thì Bà H2, bà Hiếu, bà Hằng không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh cho việc trả tiền của mình, trong khi Bà H cung cấp được giấy biên nhận nợ do Bà H2 viết và ký tên, biên nhận này được Bà H2 thừa nhận. Do đó, Bà H2 cho rằng đã trả đủ số tiền vay 95.000.000 đồng và tiền lãi cho Bà H là không có căn cứ.

Từ những phân tích nhận định trên, cũng như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, có đủ cơ sở và căn cứ buộc Bà Hình Thị H2 có trách nhiệm trả Bà Nguyễn Thị H số tiền vốn 95.000.000 đồng (*Chín mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 155; Điều 351; Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 227; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị H đối với Bà Hình Thị H2 về “Đòi tài sản”

Buộc Bà Hình Thị H2 có trách nhiệm trả cho Bà Nguyễn Thị H số tiền 95.000.000 đồng (*Chín mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hình Thị H2 phải chịu 4.750.000 đồng (*Bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị H được hoàn lại 7.612.000 đồng (*Bảy triệu sáu trăm mười hai nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai 0008442 ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

[3] Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đài họp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện N (2);
- TAND tỉnh X (1);
- Chi cục THADS huyện N (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Văn Hùng